Đơn vị: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Chương: 004

Mẫu biểu số 76

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 87 /QĐ-VKS ngày 09/6/2026 của VKSND thành phố Đồng Nai)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)														
1	2	3	4	5=4-3	Văn phòng VKSND thành phố	VKSND KV1	VKSND KV2	VKSND KV3	VKSND KV4	VKSND KV5	VKSND KV6	VKSND KV7	VKSND KV8	VKSND KV9	VKSND KV10	VKSND KV11	VKSND KV12	VKSND KV13	VKSND KV14
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**																		
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**175.557,2**	**175.557,2**		**74.795,0**	**13.836,5**	**11.569,9**	**9.986,2**	**8.034,2**	**3.603,0**	**4.599,8**	**4.113,4**	**3.707,1**	**8.935,8**	**10.259,3**	**7.433,6**	**4.375,0**	**6.791,9**	**3.516,5**
1	**Nguồn ngân sách trong nước**	**175.557,2**	**175.557,2**		**74.795,0**	**13.836,5**	**11.569,9**	**9.986,2**	**8.034,2**	**3.603,0**	**4.599,8**	**4.113,4**	**3.707,1**	**8.935,8**	**10.259,3**	**7.433,6**	**4.375,0**	**6.791,9**	**3.516,5**
1	Chi quản lý hành chính	175.557,2	175.557,2		74.795,0	13.836,5	11.569,9	9.986,2	8.034,2	3.603,0	4.599,8	4.113,4	3.707,1	8.935,8	10.259,3	7.433,6	4.375,0	6.791,9	3.516,5
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	144.644,4	144.644,4		50.031,4	13.009,9	10.888,1	9.314,1	7.521,7	3.388,7	4.339,4	3.870,7	3.506,4	8.386,3	9.574,6	6.993,7	4.132,0	6.395,2	3.292,2
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	30.912,8	30.912,8		24.763,6	826,6	681,8	672,1	512,5	214,3	260,4	242,7	200,7	549,5	684,7	439,9	243,0	396,7	224,3
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**																		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ																		
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*																		
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*																		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*																		
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*																		
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**																		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**																		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
5	**Chi bảo đảm xã hội**																		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
6	**Chi hoạt động kinh tế**																		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**																		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ																		
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**																		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ																		